

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2020/QĐXXST-HN ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số nhà 113, tổ 4, ấp V, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ 9, ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị Th có mặt tại phiên tòa; Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày: Vào năm 2013, chị Nguyễn Thị Ngọc Th và anh Huỳnh Văn T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98, ngày 03/8/2018. Sau lễ cưới, chị Th và anh T sống bên gia đình cha mẹ

ruột của chị Th tại ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Chị Th và anh T sống xa nhau từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Tình cảm giữa chị Th đối với anh T đã hết, chị Th yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Th và anh T có 01 con chung tên: Huỳnh Gia B, sinh ngày 16/11/2013. Chị Th yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 155/TB-TLVA ngày 09/3/2020 cho anh Huỳnh Văn T thông qua người thân là bà Nguyễn Thị Diệu Hiền (đi ruột anh T) nhận thay nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh T đối với yêu cầu của chị Th và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh T gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án. Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 09/7/2020, Tòa án ban hành Thông báo số 497/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Huỳnh Văn T biết thông qua việc niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng tại địa phương nhưng anh T không gửi văn bản ý kiến của anh T cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, chị Th kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản xác minh Công an xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh Ban ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh Ban ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ xã H, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh (ghi lời khai) bà Huỳnh Thị Cẩm G (cô ruột anh T). Cụ thể:

- Công an xã V cho biết: Huỳnh Văn T, sinh năm 1995, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện nay, anh T không có mặt tại địa phương.

- Ban ấp 5, xã V cung cấp: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1995, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện nay, anh T không có mặt tại địa phương. Mẹ anh T đã chết, ba anh T đi làm ăn xa. Anh T có vợ là chị Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1995, nhà ở xã H, thị xã T, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, chị Th và anh T sinh sống ở Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu. Ban không biết anh T và chị Th chung sống hạnh phúc hay mâu thuẫn gì không. Quá trình chung sống, anh T và chị Th có 01 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh năm 2013. Hiện chị Th đang trực tiếp nuôi dạy cháu Bảo.

- Ban ấp B, xã H cung cấp: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th và anh Huỳnh Văn T chấp hành tốt quy định tại địa phương. Cuộc sống hôn nhân của anh T và chị Th có mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết. Hiện tại, anh T không còn chung sống với chị Th tại ấp B, xã H, thị xã T. Thời kỳ hôn nhân, chị Th và anh T có 01 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh năm 2013. Hiện chị Th đang trực tiếp nuôi dạy con chung. Chị Th có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dạy con chung, có đạo đức tốt. Cháu Bảo đang học lớp 1, trường Tiểu học A Vĩnh Hòa.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Vĩnh Hòa cho biết: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th và anh Huỳnh Văn T có 01 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh năm 2013. Hiện cháu Bảo đang được chị Th đang trực tiếp nuôi dạy. Chị Th có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con chung. Mọi quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T như thế nào thì Hội Phụ nữ không biết.

- Bà Huỳnh Thị Cẩm G (cô ruột anh T) cho biết: Hiện tại, cha ruột của T đi làm ăn xa, mẹ của T đã chết, bản thân T không thường xuyên sinh sống tại địa phương. T và Th tự tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp nhận đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu. Sau khi cưới nhau, Th và T chung sống với gia đình Th tại ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng Th và T có mâu thuẫn gì hay không thì bà Giang không biết vì không sống gần với Th và T thường xuyên. Th và T có 01 con chung tên: Huỳnh Gia B, sinh năm 2013, hiện cháu Bảo đang được Th trực tiếp nuôi dạy, cháu Bảo đang học lớp 1 và được Th nuôi dạy tốt.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hôn nhân của chị Th và anh T là hợp pháp có đăng ký kết hôn năm 2018. Năm 2019, chị Th và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm. Chị Th và anh T sống xa nhau từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị Th yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ.

Về con chung: Chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 16/11/2013, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th được ly hôn anh Huỳnh Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th được nuôi dạy cháu Huỳnh Gia B, sinh ngày 16/11/2013. Anh Huỳnh Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn T. Anh T có nơi cư trú: Tổ 9, ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Huỳnh Văn T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2013, chị Nguyễn Thị Ngọc Th và anh Huỳnh Văn T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98, ngày 03/8/2018, hôn nhân giữa chị Th và anh T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Th khai, chị Th và anh T sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị Th tại ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Chị Th và anh T sống xa nhau từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Tình cảm giữa chị Th đối với anh T đã hết, chị Th kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Biên bản xác minh Ban ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang: Sau khi kết hôn, chị Th và anh T sinh sống chủ yếu ở Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nên Ban ấp không biết anh T và chị Th chung sống hạnh phúc hay mâu thuẫn gì không.

Biên bản xác minh Ban ấp B, xã H, thị xã T: Cuộc sống hôn nhân của anh T và chị Th có mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết. Hiện tại, anh T không còn chung sống với chị Th tại ấp B, xã H, thị xã T.

Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ xã V, thị xã T: Mọi quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T như thế nào thì Hội Phụ nữ không biết. Hiện nay, chị Th đang sống chung với gia đình tại địa phương, còn anh T trở về sinh sống tại ấp 5, xã V, thị xã T.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) bà Huỳnh Thị Cẩm G (cô ruột anh T): Quá trình chung sống, vợ chồng Th và T có mâu thuẫn gì hay không thì bà Giang không biết vì không sống gần với Th và T thường xuyên.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị Th và anh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 và sống xa nhau từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, anh T không tìm đến chị Th để hàn gắn tình cảm gia đình cũng không điện thoại hỏi thăm con chung. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị Th và anh T hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh T vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị Th và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị Th. Xét, cho chị Nguyễn Thị Ngọc Th ly hôn với anh Huỳnh Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Huỳnh Gia B, sinh ngày 16/11/2013; Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản xác minh Ban ấp 5, xã V; Ban ấp B, xã H; Hội Liên hiệp Phụ nữ xã V, thị xã T và biên bản xác minh (ghi lời khai) bà Huỳnh Thị Cẩm G: Hiện

chị Th đang trực tiếp nuôi dạy cháu Bảo, chị Th có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dạy con chung, có đạo đức tốt. Cháu Bảo đang học lớp 1 và được chị Th nuôi dạy tốt.

Xét, chị Th yêu cầu được nuôi dạy con chung Huỳnh Gia B, sinh ngày 16/11/2013, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Th.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Th được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 98, ngày 03/8/2018, do Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc Th và anh Huỳnh Văn T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Huỳnh Gia B, sinh ngày 16/11/2013. Anh Huỳnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0002564 ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Th hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị Ngọc Th đã nộp đủ án phí.

Anh Huỳnh Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Th là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết